

BẢNG ĐIỂM MÔN HỌC LÝ THUYẾT

MÔN HỌC: Tiếng Anh 3

SỐ TC: 2

LỚP: 22C1-KLB1

ĐỢT: HK1 (2023 - 2024)

TT	Mã HSSV	Họ và tên HSSV		Điểm kiểm tra						Điểm TBKT	Điểm thi KTMH	Điểm MH (lần 1)	Điểm MH (lần 2)	
				Thường xuyên (hệ số 1)				Định kỳ (hệ số 2)						
1	22003825	Lục Quốc	Anh	0.00	0.00			0.00			0.00	0.00	0.00	
2	22005647	Nguyễn Hùng	Anh	9.00	9.50			9.50			9.40	2.10	5.00	
3	21003513	Nguyễn Thị Lan	Anh	9.00	9.00			9.00			9.00	5.80	7.10	
4	22004246	Trần Thị Kim	Ánh	9.00	9.50			10.00			9.60	7.00	8.10	
5	22003883	Nguyễn Lê Tiến	Đạt	9.50	9.50			10.00			9.80	5.80	7.40	
6	22001752	Trần Ngọc	Đô	9.50	9.50			10.00			9.80	7.00	8.10	
7	22002317	Trần Thị Mỹ	Dung	9.50	9.50			9.50			9.50	3.10	5.70	
8	22004291	Nguyễn Ngọc Minh	Hằng	10.00	10.00			10.00			10.00	6.50	7.90	
9	22004454	Nguyễn Trung	Hậu	9.50	9.50			10.00			9.80	3.40	5.90	
10	22002322	Lê Sĩ	Hiếu	10.00	10.00			10.00			10.00	5.90	7.50	
11	22001022	Hồ Kiến	Hưng	10.00	10.00			10.00			10.00	7.50	8.50	
12	22004020	Đỗ Thị Kim	Ngọc	0.00	0.00			0.00			0.00	0.00	0.00	
13	22000669	Nguyễn Thành	Nhân	10.00	10.00			10.00			10.00	8.00	8.80	
14	22003626	Tào Quang	Nhân	9.00	9.50			10.00			9.60	4.30	6.40	
15	22004734	Hà Linh	Nhi	9.00	9.00			9.00			9.00	6.00	7.20	
16	22004663	Nguyễn Phạm Thiên	Phúc	10.00	10.00			10.00			10.00	9.30	9.60	
17	22002761	Võ Minh	Quang	9.00	9.50			10.00			9.60	4.30	6.40	
18	22004745	Võ Ngọc	Thạch	9.00	10.00			10.00			9.80	6.40	7.70	
19	22004721	Đỗ Nguyễn Anh	Thư	0.00	0.00			0.00			0.00	0.00	0.00	
20	22004824	Vũ Đỗ Minh	Thư	0.00	0.00			0.00			0.00	0.00	0.00	
21	22002705	Bùi Minh	Trí	9.50	9.50			10.00			9.80	2.90	5.60	
22	22002847	Đặng Văn	Truyền	10.00	10.00			10.00			10.00	5.10	7.10	
23	22003775	Trần Thanh	Tùng	9.00	9.50			10.00			9.60	9.10	9.30	

Tổng số SV	23	
Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giỏi	4	17.39
Khá	9	39.13
Trung bình	5	21.74
Trung bình	0	0
Trung bình yếu	1	4.35
Trung bình yếu	0	0
Yếu	4	17.39

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2024
GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Nguyễn Thị Bảo Trân